

HỌC GIẢ TRẦN TRỌNG KIM VÀ PHONG TRÀO CHẤN HƯNG PHẬT GIÁO Ở BẮC KỲ (1934-1945)¹

Tóm tắt: Phong trào chấn hưng Phật giáo ở Bắc Kỳ xuất hiện nhiều gương mặt trí thức Hán học cũng như Tây học tiêu biểu, trong đó có Trần Trọng Kim. Nhà văn hóa, nhà sử học, nhà giáo dục này không những ủng hộ chủ trương chấn hưng Phật giáo mà còn tham gia tích cực vào các hoạt động chấn hưng như khảo cứu, biên dịch, diễn giảng. Hoạt động của ông cùng với các vị trí thức khác đã góp phần tạo nên một nền Phật học “vững bền” cho công cuộc chấn hưng Phật giáo ở Việt Nam.

Từ khóa: Trần Trọng Kim; chấn hưng; Phật giáo; Bắc Kỳ.

Dẫn nhập

Phong trào chấn hưng Phật giáo ở Bắc Kỳ (1934-1945) đã thu hút đông đảo các nhóm xã hội - nghề nghiệp khác nhau tham gia, trong đó có một số lượng lớn trí thức¹. Có thể phân loại trí thức trong phong trào chấn hưng Phật giáo ở Bắc Kỳ thành hai nhóm: (1) Nghề nghiệp tự do và (2) Viên chức làm việc trong các cơ sở giáo dục và cơ quan nghiên cứu. Nhóm thứ nhất gồm các nhà báo, như: Nguyễn Văn Vĩnh, Nguyễn Đỗ Mục (nhà báo và cộng tác viên của *Đông Dương tạp chí*), hay các nhà văn như Nguyễn Hữu Tiến (dịch giả và nhà văn của tạp chí *Nam Phong*), Nguyễn Trọng Thuật (nhà báo của *Nam Phong*, nhà văn). Nhóm thứ hai có thể kể đến là Phó bảng Bùi Kỷ, giáo sư ở Hà Nội; Nguyễn Văn Ngọc giảng dạy

* Khoa Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2.

¹ Bài viết này là kết quả nghiên cứu của đề tài mang mã số B.2018-SP2-15, được tài trợ từ nguồn kinh phí đề tài cấp Bộ, kinh phí KHCN của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2.

Ngày nhận bài: 24/4/2020; Ngày biên tập: 03/7/2020; Duyệt đăng: 16/7/2020.

tại trường Sĩ Hoạn và *Đốc học* Hà Đông; Trần Trọng Kim nhà giáo dục, thanh tra học chính. Bên cạnh đó, lại có những người được đào tạo và trưởng thành từ nền cựu học, như: Dương Bá Trạc, Nguyễn Can Mộng, hay tân học như Nguyễn Văn Vĩnh, Nguyễn Văn Ngọc, Nguyễn Văn Tố, đồng thời lại có những người vừa cựu học vừa tân học, như: Trần Văn Giáp, Trần Trọng Kim. Không chỉ tham gia sáng lập Hội Phật giáo mà họ còn giữ vai trò quan trọng trong các hoạt động chấn hưng Phật giáo, đặc biệt là trong các hoạt động nghiên cứu, dịch thuật, xuất bản và diễn giảng. Vai trò này sẽ được phân tích cụ thể qua trường hợp Trần Trọng Kim.

Trần Trọng Kim cùng với Bùi Kỳ và Phạm Quỳnh bấy giờ là ba gương mặt trí thức lớn nhất của thủ đô². Ông xuất thân trong một gia đình Nho giáo, thuở nhỏ học chữ Hán, sau đó theo Tây học. Từ 1900 đến 1903, ông học ở trường Thông ngôn Hà Nội, rồi trường Sư phạm Melun ở Pháp. Song song với công việc của một nhà giáo dục ông có đóng góp vào sự phát triển của báo chí, ngôn ngữ, nghiên cứu sử học và tôn giáo. Ông là người sáng lập tờ *Học báo*, đảm nhiệm cương vị Phó ban Văn học của *Hội Khai Trí Tiến Đức* (AFIMA), đồng thời là tác giả của nhiều sách giáo khoa thời đó. Tác phẩm, *Việt Nam sử lược* được coi là công trình khoa học Việt Nam đầu tiên trong lĩnh vực nghiên cứu lịch sử Việt Nam. Đặc biệt bộ *Nho giáo* xuất bản những năm đầu thập niên 30 của thế kỷ XX là “một nghiên cứu có giá trị khoa học không thể chối cãi, là một sự kiện lớn trong đời sống trí thức và tư tưởng trong những năm 30”³.

1. Thái độ của Trần Trọng Kim đối với chủ trương chấn hưng Phật giáo

Năm 1931, Hội Nam Kỳ nghiên cứu Phật học ra đời sau hơn 10 năm tiến hành vận động chấn hưng trên báo chí. Tiếp đó là Hội An Nam Phật học ở Trung Kỳ. Sự ra đời của hai hội Phật học đã thôi thúc các nhà sư và trí thức Bắc Kỳ chủ trương thành lập hội Phật giáo để thực hiện chấn hưng Phật giáo. Tuy nhiên, đây là một quá trình tương đối dài, với những bước đệm, từ *Bắc Kỳ Phật giáo lục hòa hội* (1932) đến *Phật học tùng thư* (1933-11/1934) rồi sau đó

mới đến *Hội Phật giáo* (1934-1945)⁴. Sau thất bại trong việc thành lập *Bắc Kỳ Phật giáo lục hòa hội*, những người khởi xướng chuyển sang lập *Phật học tùng thư* đặt tại chùa Mai Xá, Hà Nam. *Phật học tùng thư* mặc dù chỉ tồn tại trong một thời gian ngắn, nhưng đã tạo ra một địa điểm gặp gỡ, trao đổi các ý tưởng chấn hưng Phật giáo giữa chư tăng và các nhà thiện trí thức. Nhà sư Trí Hải, người tham gia công cuộc chấn hưng ngay từ những ngày đầu đã đề cập tới vai trò của *Phật học tùng thư* trong *Hội ký thành lập Hội Phật giáo Việt Nam* như sau: “Chúng tôi đã được gặp những nhà trí thức, nhà văn, nhà báo lúc bấy giờ như những ông Lê Dur, Trần Trọng Kim, Bùi Kỳ, Dương Bá Trạc, Nguyễn Văn Vĩnh. Khi gặp nhau, trao đổi về việc thành lập hội Phật giáo nhằm chấn chỉnh lại tinh thần Phật giáo nước nhà thì tất cả mọi người đều nói là đã có hoài bão từ lâu cả rồi, nhưng chưa gặp được các sư cộng tác, cũng như chưa có cơ hội thuận tiện”⁵. Như vậy, Trần Trọng Kim được sư Trí Hải nhắc đến với tư cách là một trong những trí thức có hoài bão chấn hưng Phật giáo.

Khảo cứu báo chí quốc ngữ thời bấy giờ, chúng tôi thấy bài viết “Việc chấn hưng Phật học ở nước ta”⁶ của ông trên báo *Trung Bắc tân văn*. Bài viết thể hiện thái độ và chủ ý của Trần Trọng Kim đối với việc chấn hưng Phật giáo. Ông khẳng định Phật giáo là một tôn giáo “rất quý, rất hay của người mình” vì “theo đạo Phật là tinh tiến dũng mãnh để trừ bỏ ba cái độc ở trong mình là tham dục, sân khuê và ngu si, cầu lấy trí tuệ mà giải thoát được mọi sự khổ não”⁷. Từ đó ông khẳng định “chấn hưng đạo Phật mà mở rộng thêm ra” là “cái công đức rất to”. Đồng thời ông chỉ ra phương châm, mục đích và biện pháp tiến hành chấn hưng Phật giáo:

“Song ta phải biết rằng sự chấn hưng đạo Phật không phải là ở chỗ làm chùa chiền để thờ Phật mà thôi. Đó mới là hình thức bề ngoài, nếu không có cái tinh thần bề trong thì khó mà hiệu quả được. Cái tinh thần là cốt phát minh cái đạo lý ra, để gây thành một sự tín ngưỡng rất chính đáng. Muốn cho tới mục đích ấy, thì phải tổ chức thành một cuộc Phật học, kén chọn lấy những tăng ni

chân tu, biết cả Hán tự và Phạn tự cho thông, để kê cứu các kinh truyện bên Phật cho tinh tường, rồi phải lập đàn thuyết pháp để truyền bá cái đạo lý ra cho rõ và trừ bỏ những điều huyền hoặc, mê tín. Có làm được như thế thì Phật học mới có cái nền chắc chắn vững bền”⁸.

Đối với Trần Trọng Kim, chấn hưng Phật giáo gồm hai phương diện: hình thức và tinh thần, trong đó ông nhấn mạnh đến khía cạnh tinh thần của chấn hưng. Hình thức là làm chùa, mà tinh thần là xiển dương giáo pháp, đạo lý Phật giáo, nhằm mục đích gây thành một sự tín ngưỡng chính đáng. Để đạt được mục đích đó, chấn hưng Phật giáo cần các nghiên cứu chuyên sâu về Phật học được thực hiện bởi các tăng ni chân tu, tinh tường Hán tự và Phạn tự. Từ những nghiên cứu chuyên sâu này sẽ làm thành các bài diễn giảng để truyền bá giáo lý đạo Phật đến các tín đồ.

Thiết tưởng nên bàn luận đôi lời về lý do ủng hộ chấn hưng Phật giáo của Trần Trọng Kim. Trước hết, chúng ta thấy rằng Trần Trọng Kim là một học giả được trang bị phương pháp nghiên cứu khoa học phương Tây. Công trình *Việt Nam sử lược* minh chứng cho điều đó. Bên cạnh đó, chúng ta cũng thấy vào những năm đầu thập niên 30 thế kỷ XX, bên cạnh bài viết ủng hộ chấn hưng đạo Phật ông còn có một công trình đồ sộ - hai quyển *Nho giáo*. Ông viết *Nho giáo* với nhận thức Nho giáo “vốn là một cái nhà cổ”, tự nó “là một bảo vật vô giá”, nên đã tự nhận lấy trách nhiệm “vẽ lấy cái bản đồ Nho giáo” với mục đích “giữ lấy di tích về sau”⁹.

Như vậy, sở dĩ Trần Trọng Kim ủng hộ chấn hưng Phật giáo không chỉ xuất phát từ nhận thức Phật giáo vốn là “một cái tôn giáo rất quý, rất hay của người mình” mà còn mong muốn tìm trong Nho giáo và Phật giáo, những giá trị văn hóa, đạo đức có thể dung hòa với văn hóa phương Tây để gây thành “cái tinh thần mới”, “thích hợp với hoàn cảnh của mình, thích hợp với trình độ và tâm tính của mình”. Ta thấy rõ trong chủ ý của ông tinh thần kế thừa có chọn lọc. Có lẽ xuất phát từ động cơ đó nên Trần Trọng Kim đã tích cực tham gia vào sự nghiệp chấn hưng Phật giáo.

2. Những đóng góp của Trần Trọng Kim với phong trào chấn hưng Phật giáo ở Bắc Kỳ

Sáng lập Hội Phật giáo, giữ cương vị Trưởng ban Khảo cứu và Diễn giảng

Năm 1934, ông cùng 31 vị tăng sĩ và cư sĩ tham gia sáng lập Hội Phật giáo, trụ cột trong phong trào chấn hưng trên đất Bắc do ông Nguyễn Năng Quốc làm chánh hội trưởng, hội quán đặt tại chùa Quán Sứ (Hà Nội). Không những vậy, trước sự có mặt của 300 thính giả tại chùa Quán Sứ hôm 17 tháng 3 năm 1935¹⁰, với bài diễn thuyết *Phật giáo với cuộc nhân sinh*, Trần Trọng Kim đã tuyên bố mục đích ra đời của Hội Phật giáo nói riêng và mục đích chấn hưng đạo Phật nói chung:

“Đạo Phật là một tôn giáo của người mình xưa nay vẫn tin theo rất nhiều, là bởi đạo ấy có cái hình thức dễ khiến người mình tin được. Còn về đạo lý của nhà Phật, thì có nhiều ý nghĩa sâu xa, hiện những nhà học thức trong thiên hạ cũng đã kê cứu tường tận và đều nhận là một đạo rất cao rất hay. Vậy một tôn giáo có phần rất cao thâm, rất phổ thông mà lại thấm thía vào tủy não người mình đã bao nhiêu đời nay, người trong nước hầu khắp từ Nam chí Bắc, ai ai cũng tín ngưỡng và sùng bái, thì tất là có ảnh hưởng đến sự làm ăn hàng ngày của ta. Một cái đạo có thể lực về đường tinh thần sâu xa như thế, thì sao ta không cố gắng làm cho nó sáng rõ ra, khiến những tín đồ biết rõ cái đạo mà mình tin và biết cách ăn ở cho phải đạo, để bớt được những sự khổ não trong đời. Chẳng hơn là cứ bo bo ở chỗ vật chất nông nổi, hẹp hòi, biến đổi vô thường, nay thế này mai thế khác, làm cho người bơ vơ không biết bấu víu vào đâu, tựa như chiếc thuyền lênh đênh giữa dòng, không biết đâu là bờ là bến hay sao?

Bởi những lẽ ấy cho nên chúng tôi rủ nhau dựng lên hội Phật giáo, chủ ý là muốn làm cho sáng cái đạo đã mờ, trau chuốt cho bóng bẩy hơn trước và lại thích hợp với nhu yếu của người đời”¹¹.

Ta thấy trong những lời đơn sơ kia chủ ý chấn chỉnh, sắp đặt lại đạo Phật cho ngay ngắn, làm cho đạo hưng thịnh và hiện đại hóa để

đạo Phật để làm chỗ dựa tinh thần cho người dân cũng như có thể đóng vai trò gìn giữ thuần phong mỹ tục. Theo tác giả Nguyễn Lang, những dòng trên có thể được xem là một bản “tuyên ngôn”¹² của phong trào chấn hưng Phật học ở xứ Bắc.

Ngay sau khi ra đời, Hội Phật giáo đã thành lập *Ban Khảo cứu và Diễn giảng*, một ban chuyên môn quan trọng có nhiệm vụ khảo cứu kinh điển Phật giáo, làm thành các bài khảo cứu bằng chữ *quốc ngữ* để in trên báo *Đuốc Tuệ* hoặc để diễn giảng cho thiện tín cũng như dịch các cuốn kinh sang chữ *quốc ngữ*, xuất bản thành sách để phổ biến giáo lý đạo Phật. Không phải ngẫu nhiên mà ông Trần Trọng Kim được chọn làm trưởng ban. Tại thời điểm thành lập, ban này quy tụ các trí thức và nho sĩ quan trọng nhất thời bấy giờ, cụ thể gồm các ông Nguyễn Văn Vĩnh, Trần Văn Giáp, Lê Du, Nguyễn Hữu Tiến, Nguyễn Can Mộng, Dương Bá Trạc, Bùi Kỳ, Nguyễn Trọng Thuật, Nguyễn Văn Ngọc, Nguyễn Quang Oánh, Nguyễn Văn Tố, Lê Toại, Nguyễn Đỗ Mục, Vũ Như Trác, Vũ Huy Xương¹³.

Ban này làm việc rất sốt sắng. Ngay trong năm 1935, Ban đã hoàn thành việc dịch và in hai cuốn *Phật giáo Nhật tụng* và *Thiện Sinh kinh*¹⁴. *Phật giáo Nhật tụng* là cuốn sách tụng niệm được dịch sang *quốc ngữ*, được biên soạn theo thể văn vần nên rất tiện dụng cho thiện tín thập phương. Bên cạnh đó, ban biên soạn cũng “lựa chọn những nghĩa cốt yếu, những điều giới hạnh cần thiết trong đạo Phật” như ngũ giới và thập thiện giúp ích cho đường “tu thân và hành đạo” của các thiện tín. *Kinh Thiện Sinh* (có tên gọi khác là Kinh lễ Sáu phương) là một cuốn kinh khổ nhỏ, có thể bỏ túi và dễ dàng mang theo bên mình. Hội Phật giáo đã cho in hai vạn quyển và phát cho hội viên. Kinh là những lời Phật dạy Thiện Sinh về phép tu thân cùng các luân lý xã hội. Phép tu thân là phương pháp “*người ta phải theo mà giữ mình và sửa mình cho thành người tốt*”. Đối với bản thân, muốn trở thành người hay, người tốt phải dứt bỏ bốn nghiệp xấu, bốn tính xấu và sáu nghiệp làm tổn hại tiền của. Bốn nghiệp xấu gồm: sát sinh, trộm cắp, dâm dăng, và nói càn nói

đối. Bốn tính xấu gồm: tham lam, tức giận, nhát sợ, mê muội. Sáu nghiệp làm tổn hại tiền của gồm: nghiện rượu, cờ bạc, phóng đãng, say mê kỹ nhạc (đàn hát), chơi thân với bạn bè hư, lười biếng. Mỗi một nghiệp kể trên lại gây ra sáu cái hại. Hãy xem sáu cái hại của nghiện rượu: “Một là tổn tiền, hai là sinh bệnh, ba là hay tranh đấu (tranh giành chông chọi nhau), bốn là tiếng xấu đồn đại, năm là hay hung hăng giận dữ, sáu là trí tuệ ngày một hao mòn”¹⁵.

Luân lý xã hội “định rõ đạo làm cha con, thầy trò, vợ chồng, bạn bè, chủ tớ, và đối với những người đạo đức ở trong xã hội”. Đó là cách ứng xử trong các mối quan hệ gia đình và quan hệ xã hội. Chẳng hạn như về đạo cha-con, Phật chỉ rõ bốn phận của con cái đối với cha mẹ cũng như trách nhiệm của cha mẹ đối với con cái: “Kẻ làm con phải kính thờ cha mẹ. Một là thờ phụng hiếu thảo để cho cha mẹ được vui vẻ, hai là phải dậy sớm để sai khiến người nhà sửa soạn cơm nước và lấy sự cần kiệm mà cai quản trong nhà; ba là cha mẹ có việc gì mình phải đỡ đàn, cho đỡ mệt nhọc; bốn là thường tưởng nhớ đến ơn đức cha mẹ; năm là khi cha mẹ đau ốm phải tìm thầy thuốc điều trị. Cha mẹ đối với con cái cũng có 5 điều: một là phải dạy con bỏ chỗ ác tới chỗ thiện, hai là phải dạy con nên thân gần người giỏi, ba là nên dạy con biết siêng năng, kính cẩn, chăm chỉ học hành; bốn là khi con đến tuổi lớn khôn nên lo bề đôi lứa cho con; năm là của cải mình đã làm ra được nên gây dựng cho con”¹⁶.

Như vậy, luân lý sáu phương dạy người ta những điều thiết thực. Ở điểm này chúng tôi thấy đạo Phật có nhiều điểm tương đồng với phép tu thân và lý tam cương của Nho giáo.

Trong thời gian tham gia Hội Phật giáo từ năm 1934 đến năm 1943¹⁷, ông đã viết nhiều bài khảo cứu và diễn thuyết về Phật giáo. Hiện nay, chúng tôi tìm thấy một số bài như sau: *Phật giáo với cuộc nhân sinh*¹⁸, *Cái nghĩa hoa sen đối với đạo Phật*¹⁹, *Phật lục*²⁰, *Thập nhị nhân duyên*, *Phật giáo tiểu thặng và đại thặng*²¹, *Phật giáo thuở xưa và Phật giáo ngày nay*²². Đối với các bài viết của ông, Nguyễn Lang nhận xét “rất vững chãi về Phật học”, cho thấy

trong thời gian làm Trưởng ban Khảo cứu và Diễn giảng của Hội Phật giáo Bắc Kỳ “ông đã đề ra rất nhiều thì giờ để khảo cứu và học hỏi về Phật giáo”²³.

Quan tâm đến vấn đề thiết lập kỷ luật tăng giới

Trần Trọng Kim cũng quan tâm tới vấn đề khôi phục kỷ luật trong tăng chúng. Trong cuộc họp của Ban Chứng minh đạo sư ngày 14 tháng 12 năm 1934, ông đề xuất Ban Chứng minh đạo sư cần áp dụng các quy tắc kỷ luật nghiêm ngặt, tăng sĩ vi phạm giới luật phải rời khỏi chùa và hoàn tục. Đặt trong bối cảnh thời đó thì đề nghị này là một biện pháp để chấn chỉnh tăng giới. Tăng già vốn là đại diện cho Phật pháp ở thế gian, nhưng trước khi Hội Phật giáo thành lập, thực trạng chia rẽ, rời rạc tồn tại phổ biến trong các sơn môn. Tài liệu lưu trữ cho biết “*trước khi thành lập Hội Phật giáo, ở Bắc Kỳ có chừng ba chục sơn môn, mỗi sơn môn có hàng trăm đệ tử (tăng, ni, và tiểu) và chịu sự quản lý của một vị sư tổ...*”²⁴. Tình trạng rời rạc, thiếu tổ chức và kỷ luật của tăng già cũng được Lê Toại đề cập trong một bài viết nhan đề “*Một ý kiến về việc chấn hưng đạo Phật*”, đăng trên *Trung Bắc tân văn* năm 1932 “*trong bọn tăng đồ không có thể thống, không có trật tự, không liên lạc cùng nhau, rời rạc như cát sông Hằng*”²⁵. Cư sĩ Nguyễn Hữu Kha hơn một lần đề cập tới hiện trạng này trong các bài viết của mình “*Vì trong Tăng già chia ra các sơn môn, sơn môn nào biết riêng sơn môn ấy thành ra sai hẳn cái nghĩa Tăng già tức là đoàn thể đệ tử Phật, cho nên riêng trong Tăng già cũng đã thấy như nắm cát rời không còn kỷ cương nhất trí, có tổ chức hẳn hoi, có tinh thần đoàn kết gì nữa*”²⁶.

Các sơn môn này tồn tại rời rạc, không có liên hệ với nhau, không có kỷ luật chung. Sơn môn nào biết việc sơn môn ấy và chỉ phục tùng mệnh lệnh của vị sư tổ. Chính tình trạng biệt lập, rời rạc của các sư, tình trạng thiếu tổ chức và kiểm soát trong nội bộ tăng già là một trong những nguyên nhân dẫn tới sự suy vi của đạo Phật. Báo chí thời đó đưa tin về các “*sư hổ mang*” quyến rũ con gái nhà lành, lừa đảo các gia đình. Vụ án sư Thụy là vụ án nổi bật nhất,

diễn ra năm 1936, sau khi Hội Phật giáo thành lập, được các báo đưa tin trong nhiều số”²⁷.

Do vậy khôi phục kỷ luật trong tăng giới cũng là một biện pháp để chấn chỉnh tăng già, từ đó góp phần chấn hưng Phật giáo.

Hai phương diện của đạo Phật

Trước hết, Trần Trọng Kim chỉ ra rằng đạo Phật có hai khía cạnh: hình thức và tinh thần. Hình thức là lễ bái, tụng niệm mà tinh thần là giáo lý của đạo Phật. Do vậy, người theo đạo Phật nếu chỉ biết lễ bái và cầu nguyện thì chỉ mới biết đến hình thức của đạo mà thôi. Ông cũng chỉ ra tác dụng của việc lễ bái, cầu nguyện là “để trong lòng được an ủi, tựa như người mắc nạn mà biết sắp có người đến cứu”²⁸. Theo đạo Phật, quan trọng phải hiểu cội nguồn, triết lý của đạo Phật để tránh tình trạng “ngày ngày miệng niệm Phật, tay lần tràng hạt, mà bao nhiêu sự hành động đều trái hẳn với đạo Phật”²⁹.

Nền luân lý xã hội trong Ngũ giới và Lục độ

Theo Trần Trọng Kim, đạo Phật rất bỏ ích về đường “nhân sinh”. Trong bài *Phật giáo với cuộc nhân sinh*, ông chỉ ra rằng “ngũ giới” và “lục độ” là một “nền luân lý rất hay cho xã hội”³⁰. *Ngũ giới* là những lời Phật dạy để ngăn ngừa những điều gian ác, không chỉ thiệt hại cho mình, cho người mà còn có thể gây thành cái nghiệp xấu cho bản thân. *Ngũ giới* bao gồm: bất sát, bất đạo, bất dâm, bất vọng ngữ, bất ả tửu. Bất sát là không giết, tức là để cho mọi vật được sống trọn vẹn cái số kiếp của nó; Bất đạo là không ăn trộm, tức là không lấy của phi nghĩa, bao gồm cả không đem lòng tham mà lấy của người; Bất dâm là không gian dâm; Bất vọng ngữ tức là không nói càn, không nói dối, không bịa đặt ra điều nọ chuyện kia, không ăn không nói có, không vu oan giá họa cho ai; Bất ả tửu là không uống rượu, không uống rượu là vì ai rượu chè say sưa thì loạn mất trí khôn, không giữ được cái tinh thần sáng suốt, thành ra lảm khi vì say sưa mà làm lảm sự tai vạ.

Lục độ là thực hành những điều thiện, ích lợi cho mình và cho người, bao gồm *bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tiến, thiền định* và

bát nhã. *Bố thí*, bao gồm tài thí và pháp thí, nghĩa là đem công đem của, đem tài trí mà giúp đỡ, mở mang trí tuệ cho người. Trần Trọng Kim nhấn mạnh bố thí phải tùy sức mà làm. Điều quan trọng nhất khi thực hành bố thí là phải xuất phát từ lòng thương chúng sinh và tùy vào khả năng của mỗi người. Nếu vì tình thương mà bố thí thì một việc làm dù nhỏ cũng đều có ý nghĩa. Còn nếu vì mục đích khác, như giúp đỡ người khác để khoe khoang của cải, để cầu danh lợi, để mong hưởng báo đáp, thì không phải là bố thí. *Trì giới* là giữ vững năm điều răn để ngăn những điều ác. *Nhẫn nhục*, gồm sinh nhẫn và pháp nhẫn, mục đích là để trị sự tức giận, nóng nảy. *Tinh tiến*, gồm thân tinh tiến và tâm tinh tiến, là cả thân và tâm đều cố gắng hết sức để làm điều lành, điều phải. *Thiền định* tức là chuyên tâm liễm niệm vào một điều gì, không tán loạn ra những điều khác. *Bát nhã* hay trí tuệ là hiểu thấu được các việc ở đời.

Trần Trọng Kim khẳng định, *lục độ* là những đức tính mà một người bình thường cũng cần phải có để trở thành người tốt, và dấu chưa thể thoát khỏi vòng luân hồi thì ít nhất cũng có thể gây thành cái nghiệp tốt cho bản thân và bớt đi sự khổ não cho người khác.

Đề cao tinh thần tự lực tự cường trong đạo Phật

Trong bài *Thập nhị nhân duyên*, Trần Trọng Kim đã chỉ ra cái đặc sắc của đạo Phật, đó là tinh thần tự lực tự cường, con người lấy cái sức mạnh tự do của mình mà giải thoát cho mình "...đạo của Phật không lấy sự cầu nguyện Trời thánh làm trọng, không nương dựa vào cái thiêng liêng nào ở ngoài cái tâm của mình, và chỉ lấy cái sức tự cường của mình mà giải thoát lấy mình. Đó là cái đặc sắc của đạo Phật, không có tính ỷ lại, không có sự mê tín, chỉ một mình tự phấn chấn lên mà chống chọi với tạo hóa, để thoát ra ngoài cái lưới của tạo hóa. Cái đạo ấy thật là độc nhất vô nhị ở trong thế gian, khiến người ta có cái tính tự cường tự lập để mà cứu mình, cứu người"³¹.

Tinh thần này một lần nữa lại được ông khẳng định trong bài *Phật giáo với cuộc nhân sinh*. Ông viết: "Theo đạo Phật là tự cái tâm mình phấn chấn lên mà làm điều lành điều phải, tự mình có sức

mạnh để phá cho hết những cái nó trói buộc mình vào chỗ khô. Bởi thế người thật bụng theo đạo Phật là người có cái tâm lực rất cương kiện, lòng dạ vững bền như gang như sắt”³².

Có nghĩa là con người có thể tự giải thoát được cho mình chứ không phải cầu đến một thế lực nào khác bên ngoài con người. Đạo Phật đặt niềm tin vào con người. Luận điểm này khiến chúng tôi nhớ tới học giả Đào Duy Anh. Ông Đào Duy Anh trong khi đi tìm câu trả lời cho hiện tượng “cả nước đánh giặc” ở thời Trần mặc dù từ vua quan, quý tộc đến nhân dân đều say mê đạo Phật, đã tìm thấy trong Thiền tông thời Trần “cái lòng tin vô hạn vào người”, và khẳng định, đó chính là “một thứ chủ nghĩa nhân bản kiên cường,.. là một hạt vàng bị bao nhiêu thứ rác rưởi, đất cát phủ”³³.

Tóm lại, theo Trần Trọng Kim, nếu hiểu rõ và biết dùng ra thì đạo Phật rất “có lợi cho sự tiến thủ của người đời. Đạo ấy có thể gây ra được nhiều cái đức tính như là đối với người với vật thì có lòng nhân từ, đối với công việc làm thì rất dũng mãnh, đối với sự tu tưởng thì rất sáng suốt, đối với sự tin ngưỡng thì không mê hoặc, đối với cuộc đời thì rất trọng sự hòa bình. Đối với toàn thể cuộc nhân sinh đạo Phật lại có cái thần lực rất linh diệu làm cho người ta đỡ được bao nhiêu nỗi khổ ở trong lòng”³⁴.

Thiền Tịnh song tu

Trần Trọng Kim đề xuất chấn hưng Phật giáo phải phục hưng Thiền học. Phục hưng Thiền học thì Phật giáo mới có thể hưng thịnh lên được, phải kết hợp Thiền Tịnh song tu. Vì Tịnh chủ về đường hình thức, tức thờ phụng và tụng niệm; còn Thiền chủ về mặt tinh thần, tức ở sự học tập và tu luyện; Tịnh - là về phần đại chúng, phổ thông, bề rộng; Thiền - về phần cao thâm, uyên bác. “Đường hình thức phải có Tịnh mà về đường tinh thần phải có Thiền. Có Thiền mà không có Tịnh thì đối với nhân chúng không có chỗ quy định; có Tịnh mà không có thiền, thì Phật giáo thành ra có vỏ mà không có ruột”³⁵. “Nếu người xuất gia tu hành chỉ tu Tịnh mà không tu Thiền, thì Phật giáo ở nước ta càng ngày càng thấp kém thêm, khó lòng mà hưng thịnh lên được”³⁶.

Chỉ ra chỗ chưa phù hợp trong cách bài trí ở các chùa

Phật lục là một tập sách phổ thông về Phật học hướng tới độc giả bình dân, được đăng nhiều kỳ trên *Đuốc Tuệ*. Mục đích của cuốn sách, theo chính tác giả là “dùng lời giản ước và rõ ràng mà bày tỏ những điều các tín đồ cần phải biết trong đạo Phật, để tránh khỏi những sự lầm lẫn về tín ngưỡng”³⁷. Theo lời nhận xét của *Đuốc Tuệ* thì *Phật lục* là một bộ sách rất cần cho các tín đồ mới quy y cửa Phật³⁸.

Nội dung của sách chia làm 5 phần: Phần đầu nói về đức Thích Ca Mâu Ni và 10 vị đại đệ tử, phần thứ hai nói về chư Phật, phần thứ ba nói về chư Bồ tát, phần thứ tư nói về quan niệm thế gian và thế giới ở trong không gian và thời gian, phần thứ năm nói về các tượng và cách bài trí ở các chùa, có minh họa bằng một số ngôi chùa lớn và cổ ở Bắc Kỳ. Trong đó 3 phần đầu làm cơ sở cho phần thứ năm. Bởi lẽ Phật giáo nước ta theo phái Đại Thặng, trong sự thờ phụng, phái Đại Thặng khác với Tiểu Thặng ở chỗ, nếu như Tiểu Thặng chỉ thờ một đức Thích Ca thì Đại Thặng không những thờ Đức Thích Ca, Đức A-di-đà mà lại thờ cả các vị Bồ tát nữa. Do vậy, cần phải biết rõ danh hiệu và sự tích chư Phật, chư Bồ tát cùng các vị thần thánh ở trong các chùa, từ đó mới hiểu được ý nghĩa và nguyên tắc về cách bài trí tượng Phật ở trong chùa.

Về nội dung của cuốn sách, 4 mục đầu không phải là những nội dung mới, vì đã được ông Nguyễn Trọng Thuật làm thành các bài khảo cứu và đăng trên báo *Đuốc Tuệ* trong năm 1935, 1936. Đóng góp của ông Trần Trọng Kim là ở phần cuối cùng của cuốn sách, tức là ở phần cách bài trí các tượng ở chùa và khảo sát sự bài trí ở một số ngôi chùa ở Hà Nội.

Trong phần này, tác giả trình bày nguyên tắc chung về cách bài trí các tượng ở trong chùa, đồng thời chỉ ra một số ngoại lệ, bắt đầu từ chính điện với các kiểu tượng Phật khác nhau, rồi đến nhà tiền đường, nhà hành lang, rồi nhà Tổ,... tương ứng với mỗi nơi sẽ có các tượng phù hợp và mang ý nghĩa khác nhau. Trên cơ sở đó, tác

giả đã chỉ ra sự khuyết điểm, chỗ mê tín trong cách thờ phụng ở các chùa. Điều này thể hiện rất rõ ở bàn thờ chư vị khu vực nhà Tổ. Nhà Tổ là nơi dành cho các vị thánh tăng và các chư tổ đã tu ở ngôi chùa đó, tuy nhiên, lại có cả bàn thờ Chư vị (là các thần thánh của phái đồng bóng, đại khái như Tứ phủ là Thiên phủ, Địa phủ, Thủy phủ, và Nhạc phủ cùng các Thánh mẫu, các Đức ông, các quan lớn,...). Phái chư vị không có quan hệ gì đến đạo Phật, nhưng vì sự mê tín của dân gian thường tin là các vị thần thánh ấy hay can thiệp đến việc họa phúc của người đời, cho nên có nhiều người hay theo về phái ấy và rất sùng sự thờ phụng chư vị. Bởi vậy nhà chùa muốn có nhiều người đến lễ bái, mới lập ra bàn thờ Chư vị để các đệ tử đến dâng bát hương, hoặc là ngày rằm, ngày mùng một sau khi lễ Phật rồi, ra ngôi đồng bóng. Cũng vì thế cho nên có chùa phải làm ra điện riêng bên cạnh để thờ Chư vị.

Ông khẳng định rằng, cách thờ phụng như thế là hỗn tạp, không đúng với tôn chỉ đạo Phật, vì rằng đạo Phật là đạo tối kỵ sự mê hoặc, mà lại đem sự mê hoặc làm mờ tối lòng người. Sau đó, ông chỉ ra nguyên nhân của hiện tượng đó. Là do người trong tăng gia không hiểu rõ ý nghĩa và nguyên tắc của sự thờ phụng và bài trí ở trong các chùa, lại hay lạm dụng chữ phương tiện thành ra có nhiều sự sai lầm, làm mất cái ý nghĩa nhất trí của đạo Phật³⁹. Có hai lý do dẫn đến tình trạng trên. Một là các sư tăng không có sự thống nhất và sự học đạo không được uyên thâm, việc gì cũng tùy tiện, lâu dần sinh ra sự hồ đồ, hỗn tạp mà không ai biết. Hai là người ta cho rằng đạo Phật là đạo hỗn dung, cốt có thờ Phật thờ thánh thì thôi, còn sự thờ phụng dù có thêm bớt và cách bài trí bề ngoài, dù có một đôi chỗ sai lầm, cũng không ai lấy làm quan ngại, hơn nữa không có ai bắt bẻ gì nên dần dần thành quen không muốn thay đổi nữa.

Đây là một đóng góp quan trọng của Trần Trọng Kim, không những thể hiện rất rõ lập trường chấn hưng Phật giáo của tác giả mà còn là căn cứ để tiến hành cải cách nơi thờ tự theo đúng tinh thần của đạo Phật.

Kết luận

Trần Trọng Kim là một trong số gương mặt trí thức tiêu biểu đã dẫn thân vào sự nghiệp chấn hưng Phật giáo những năm đầu thế kỷ 20. Không những tham gia sáng lập Hội Phật giáo năm 1934, trụ cột của phong trào chấn hưng Phật giáo ở Bắc Kỳ mà còn giữ vai trò quan trọng trong việc khảo cứu, giải thích giáo lý đạo Phật và truyền tải đến tín đồ bằng các bài viết trên báo *Đuốc Tuệ* cũng như qua hoạt động diễn giảng. Trần Trọng Kim với tinh thần kế thừa có chọn lọc, đã làm công việc “đãi cát tìm vàng” tìm trong giáo lý cao thâm mầu nhiệm của đạo Phật niềm tin vào sức mạnh con người, cùng những giá trị đạo đức phù hợp với xã hội tân thời, bổ ích cho nhân tâm và thế đạo, đồng thời đề xuất những biện pháp để “làm sáng cái đạo đã mờ”. Sự tham dự của Trần Trọng Kim nói riêng, của trí thức nói chung trong việc chấn hưng Phật giáo đã tạo nên chiều sâu của phong trào. /.

CHÚ THÍCH:

- 1 Ninh Thị Sinh, *Le mouvement de rénovation du bouddhique du Tonkin. Le cas de l'Association bouddhique* (1934-1945), LATS Sử học, Đại học Aix-Marseille, 2016, Cộng hòa Pháp.
- 2 Trịnh Văn Thảo, *Vietnam du confucianism au communisme*, L'Harmattan, Paris, 2007, p. 264.
- 3 Nguyễn Thế Anh, *Parcours d'un historien du Vietnam*, Les Indes savantes, Paris, 2008, p. 626.
- 4 Ninh Thị Sinh, Bắc Kỳ Phật giáo lục hòa hội qua tài liệu lưu trữ, *Tạp chí Văn thư Lưu trữ Việt Nam*, tháng 7/2016, tr. 71-76.
- 5 Trí Hải, *Hồi ký thành lập Hội Phật giáo Việt Nam*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, 2016, tr. 27.
- 6 Trần Trọng Kim, Việc chấn hưng Phật học ở nước ta, *Trung Bắc tân văn*, 3/5/1932, 7/5/1932, 8/5/1932.
- 7 Trần Trọng Kim, Việc chấn hưng Phật học ở nước ta, *Trung Bắc tân văn*, 8/5/1932.
- 8 Trần Trọng Kim, Việc chấn hưng Phật học ở nước ta, *Trung Bắc tân văn*, 8/5/1932.
- 9 Trần Trọng Kim, *Nho giáo*, quyền thượng, in lần thứ hai, nhà in Trung Bắc tân văn, 1932.

- 10 Tại chùa Quán Sứ chiều qua ông Trần Trọng Kim nói về đạo Phật với cuộc nhân sinh, *Hà Thành ngõ báo*, 19/3/ 1935.
- 11 Trần Trọng Kim, *Phật giáo với cuộc nhân sinh*, Nhà in Trung Bắc tân văn, 1935, tr. 5.
- 12 Nguyễn Lang, *Việt Nam Phật giáo sử luận*, 3 tập, Nxb. Phương Đông, Tp. Hồ Chí Minh, 2012, tr. 161.
- 13 *Tập kỷ yếu Hội Phật giáo*, số 1, tháng 5 năm 1935, tr. 49.
- 14 Trung tâm Lưu trữ Hải ngoại, Aix-en-Provence, Pháp, Phòng phủ Toàn quyền Đông Dương, 65539.
- 15 Hội Phật giáo, *Thiện Sinh kinh*, Đông Kinh ấn quán, Hà Nội, 1935, tr. 13-14.
- 16 *Thiện Sinh kinh*, Đông Kinh ấn quán, Hà Nội, 1935, tr. 40.
- 17 Năm 1943 ông cùng với Dương Bá Trạc bí mật sang Singapour.
- 18 Trần Trọng Kim, *Phật giáo với cuộc nhân sinh*, nhà in Trung Bắc tân văn, Hà Nội, 1935.
- 19 Trần Trọng Kim, Cái nghĩa hoa sen đối với đạo Phật, *Đuốc Tuệ*, số 37, 25/8/1936, tr. 3-4.
- 20 Từ *Đuốc Tuệ* số 53, 15/1/1937, tr.3-5; *Đuốc Tuệ* số 55, 15/2/1937, tr.11-18; *Đuốc Tuệ* số 56, 1/3/1937, tr.11-18; *Đuốc Tuệ* số 57, 15/3/1937, tr.11-18; *Đuốc Tuệ* số 58, 1/4/1937, tr.11-18; *Đuốc Tuệ* số 59, 15/4/1937, tr.11-18; *Đuốc Tuệ* số 60, 1/5/1937, tr.13, 15, 17; *Đuốc Tuệ* số 61, 15/5/1937, tr.35-38; *Đuốc Tuệ* số 62, 1/6/1937, tr.35-38; *Đuốc Tuệ* số 63, 15/6/1937, tr. 35-42; *Đuốc Tuệ* số 64, 1/7/1937, tr.35-42; *Đuốc Tuệ* số 65, 15/7/1937, tr.35-42; *Đuốc Tuệ* số 66, 1/8/1937, tr.35-42; *Đuốc Tuệ* số 67, 15/8/1937, tr.35-44.
- 21 Ba bài diễn thuyết gồm *Phật giáo với cuộc nhân sinh*, *Thập nhị nhân duyên* và *Phật giáo tiểu thặng và đại thặng* sau này được in lại trong cuốn *Phật giáo*, Nxb. Đà Nẵng, 2002.
- 22 Trần Trọng Kim, *Phật giáo thuở xưa và Phật giáo ngày nay*, Tân Việt, 1950.
- 23 Nguyễn Lang, *Việt Nam Phật giáo sử luận*, Nxb. Phương Đông, Tp. Hồ Chí Minh, 2012, tr. 728.
- 24 Ghi chép liên quan tới Phật giáo Bắc Kỳ và trong các xứ Annam ngày 8 tháng 4 năm 1943, Kho Lưu trữ hải ngoại Pháp, Phòng Phủ Toàn quyền Đông Dương, 65539.
- 25 Lê Toại, Một ý kiến về việc chấn hưng đạo Phật, *Trung Bắc tân văn*, tháng 7 năm 1932.
- 26 Hội Việt Nam Phật giáo, *Tiểu sử chư tổ tại chùa Quán Sứ*, nhà in Đuốc Tuệ, Hà Nội, 1949, tr. 26.
- 27 Sư Thụy, tên đầy đủ là Hà Văn Thụy, trụ trì chùa Ngọc Lập, huyện Mỹ Hào, Hưng Yên, quê ở làng Nguyệt Lãng, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định,

quen biết bà Thừa An, vì bà này thường xuyên đi lễ chùa. Bà Thừa An cũng thường vay thóc, thỉnh thoảng vay tiền nhà chùa, cả thảy khoảng 200 đồng. Vì buổi khủng hoảng kinh tế, bà không có khả năng trả nợ cho nhà chùa. Thời điểm ấy sư Thụy lại muốn hoàn tục vì sư là con trai một trong gia đình, song thân mong muốn có người nối dõi tông đường. Vì vậy sư Thụy mới đề nghị bà Thừa An gả cô Nguyễn Thị Bài, con gái lớn của bà cho sư. Cô Bài không đồng ý nên đã vào tu tại chùa Nam Đồng, phủ Thường Tín. Khi cô Bài ở chùa Nam Đồng, sư Thụy không chịu buông tha, vẫn tìm mọi cách tán tỉnh cô. Cuối cùng sư Thụy chuyển sang cô em gái. Nhà sư đã cải trang thành một người đàn ông sang trọng, lịch lãm để tìm cách tiếp cận em gái cô Bài, nhưng lần này sư gặp phải sự ngăn cản của người cậu. Vì vậy sư đã ngâm bỏ thuốc mê vào thức ăn của vợ chồng người cậu, sau đó còn vu khống người cậu buôn lậu thuốc phiện. Những lời nói dối của sư không che mắt được quan tòa. Sau 2 tháng xét xử, sư Thụy bị kết án 2 năm tù với 3 tội danh : quyến rũ con gái nhà lành, sử dụng thuốc mê và vu khống. Tuy nhiên, sau khi tòa tuyên án, sư Thụy từ chối không ký vào bản án và ngay lập tức kháng cáo. Sau đó tòa đã tăng lên 3 năm tù giam. Câu chuyện sư Thụy không chỉ thu hút sự chú ý của công chúng tỉnh Nam Định mà dư luận cả nước quan tâm. Tờ Công Luận thường xuyên đăng tải những tin tức liên quan đến vụ án sư Thụy. Tác giả L-V-Hòe, trong bài viết nhan đề *Nhân việc sư Thụy hỏi vợ tôi nói về tiền đồ Phật giáo* đăng trên Công Luận bày tỏ thái độ bi quan đối với tiền đồ đạo Phật khi ông biết những tin tức về vụ án sư Hà Văn. Báo *Trung Bắc tân văn* nói về vấn đề này trong nhiều số liên tiếp trong năm 1936.

- 28 Trần Trọng Kim, *Phật giáo với cuộc nhân sinh*, Nhà in Trung Bắc tân văn, Hà Nội, 1935, tr. 25.
- 29 Trần Trọng Kim, *Phật giáo với cuộc nhân sinh*, Nhà in Trung Bắc tân văn, Hà Nội, 1935, tr. 6.
- 30 Trần Trọng Kim, *Phật giáo với cuộc nhân sinh*, Nhà in Trung Bắc tân văn, Hà Nội, 1935, tr. 24.
- 31 Trần Trọng Kim, *Phật giáo trong ba bài diễn thuyết*, Nxb Đà Nẵng, 2002, tr. 42.
- 32 Trần Trọng Kim, *Phật giáo với cuộc nhân sinh*, Nhà in Trung Bắc tân văn, Hà Nội, 1935, tr. 25.
- 33 Đào Duy Anh, *Nhớ nghĩ chiều hôm*, Nxb Văn nghệ Tp.Hồ Chí Minh, Tp.Hồ Chí Minh, 2003, tr. 296.
- 34 Trần Trọng Kim, *Phật giáo với cuộc nhân sinh*, Nhà in Trung Bắc tân văn, Hà Nội, 1935, tr. 26.
- 35 Trần Trọng Kim, *Phật giáo thuở xưa và Phật giáo ngày nay*, Tân Việt, 1950, tr. 33.

- 36 Trần Trọng Kim, *Phật giáo thuở xưa và Phật giáo ngày nay*, Tân Việt, 1950, tr. 59.
- 37 Phật lục, *Đuốc Tuệ*, số 53, 15/1/1937, tr. 5.
- 38 *Đuốc Tuệ*, số 133-134, 1-15/6/1940, trang bìa thứ 2.
- 39 Năm 2014, chúng tôi có dịp trò chuyện với sư trụ trì chùa làng tôi (Ninh Xá hạ, Yên Ninh, Ý yên, Nam Định) tôi đã hỏi sư trụ trì rằng: đạo Phật không có đồng bóng, tại sao chùa ta lại có phủ để cho tín đồ lên đồng, sư trụ trì có trả lời tôi rằng, đó là cách để nhà chùa thu hút nhiều người đến với chùa. Nói như ông Trần Trọng Kim, thì chỗ này vừa là mê tín lại vừa là sự lạm dụng nghĩa phương tiện của đạo Phật.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đào Duy Anh (2003), *Nhớ nghĩ chiều hôm*, Nxb. Văn nghệ Tp. Hồ Chí Minh, Tp. Hồ Chí Minh.
2. *Đuốc Tuệ*, số 133-134, 1-15/6/1940.
3. *Đuốc Tuệ*, số 53, 15/1/1937.
4. *Hà Thành ngộ báo*, 19/3/ 1935.
5. Hội Việt Nam Phật giáo (1949), *Tiểu sử chư tổ tại chùa Quán Sứ*, nhà in Đuốc Tuệ, Hà Nội.
6. Lê Toại (1932), Một ý kiến về việc chấn hưng đạo Phật, *Trung Bắc tân văn*, tháng 7.
7. Nguyễn Lang (2012), *Việt Nam Phật giáo sử luận*, 3 tập, Nxb. Phương Đông, Tp. Hồ Chí Minh.
8. Nguyễn Thế Anh (2008), *Parcours d'un historien du Vietnam*, Les Indes savantes, Paris.
9. Ninh Thị Sinh (2016), Bắc Kỳ Phật giáo lục hòa hội qua tài liệu lưu trữ, *Tạp chí Văn thư Lưu trữ Việt Nam*, tháng 7.
10. Ninh Thị Sinh (2016), *Le mouvement de rénovation du bouddhique du Tonkin. Le cas de l'Association bouddhique (1934-1945)*, LATS Sử học, Đại học Aix-Marseille, Cộng hòa Pháp.
11. *Tập kỷ yếu Hội Phật giáo*, số 1, tháng 5 năm 1935.
12. *Thiện Sinh kinh*, Đông Kinh ấn quán, Hà Nội, 1935.
13. Trần Trọng Kim (1932), *Nho giáo*, quyển thượng, in lần thứ hai, nhà in Trung Bắc tân văn.
14. Trần Trọng Kim (1932), Việc chấn hưng Phật học ở nước ta, *Trung Bắc tân văn*, tháng 5.
15. Trần Trọng Kim (1935), *Phật giáo với cuộc nhân sinh*, Nhà in Trung Bắc tân văn.

16. Trần Trọng Kim (1950), *Phật giáo thuở xưa và Phật giáo ngày nay*, Tân Việt.
17. Trí Hải (2016), *Hồi ký thành lập Hội Phật giáo Việt Nam*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
18. Trịnh Văn Thảo (2007), *Vietnam du confucianism au communisme*, L'Harmattan, Paris.
19. Trung tâm Lưu trữ Hải ngoại, Aix-en-Provence, Pháp, Phòng phủ Toàn quyền Đông Dương, 65539.

Abstract

TRẦN TRỌNG KIM AND THE BUDDHIST REVIVAL MOVEMENT IN TONKIN DURING THE PERIOD FROM 1934 TO 1945

Ninh Thi Sinh

Faculty of History

Hanoi University of Education II

The Buddhist revival movement in Tonkin consisted of many typical Sino-intellectuals as well as Western scholars, including Tran Trong Kim. He, a culturalist, historian, and educator, did not only support the policy of reviving Buddhism, but he also actively participated in activities such as research, translation, and lecture. His activities along with the other intellectuals contributed to creating a “sustainable” Buddhology for the revival of Buddhism in Vietnam.

Keywords: Tran Trong Kim; revive; Buddhism; Tonkin.